

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 27-01-2022

V/v “tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Lệ M**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã M, huyện T1, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/11/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T không tìm hiểu quen biết trước, được sự tác hợp của gia đình rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2007. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2007 ngày

05/11/2007. Thời gian đầu hai vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc. Khoảng thời gian trở lại đây giữa anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi, gây gổ, anh, chị đã cố gắng nhường nhịn lẫn nhau để tránh gia đình đổ vỡ nhưng càng kéo dài mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân kể từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, chị Nguyễn Thị Lệ M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Minh M1, sinh ngày 11/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Trà M2, sinh ngày 02/12/2012, hiện các con chung đang sống cùng gia đình chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Minh M1 và Nguyễn Thị Trà M2, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 con chung. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/12/2021 và tại Tờ tự khai ngày 21/12/2021, chị M đã rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 25/11/2021 và tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/11/2021, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Lệ M không quen biết, được mai mối rồi tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống cùng gia đình anh T, sau đó được cha ruột của anh là ông Nguyễn Văn L cho ở tạm căn nhà trên đất và cho mượn canh tác 0,6 ha đất trồng khóm. Thời gian đầu vợ chồng không mâu thuẫn gì, thời gian gần đây hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được, khoảng hai năm nay, chị M đã đưa hai con chung về nhà cha mẹ ruột tại Ấp 2, xã M, huyện T1, tỉnh Long An ở đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh T thống nhất anh và chị M có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Minh M1, sinh ngày 11/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Trà M2, sinh ngày 02/12/2012, hiện các con chung đang sống cùng gia đình chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý giao hai con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung anh không đồng ý vì hiện nay cuộc sống anh đang khó khăn, không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Minh, cho chị Nguyễn Thị Lệ M ly hôn với anh Nguyễn Hữu T, giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Minh M1, sinh ngày 11/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Trà M2, sinh ngày 02/12/2012, hiện các con chung đang sống cùng gia đình chị M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T; anh T có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh T.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T không tìm hiểu, quen biết trước, được sự mai mối và được sự tác hợp của hai gia đình rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2007. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyền số 1/2007 ngày 05/11/2007. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Khoảng thời gian gần đây, trong đời sống vợ chồng giữa anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đến năm 2019, anh, chị sống ly thân cho đến nay. Kể từ thời điểm đó đến nay, anh chị dù đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được và cũng không ai quan tâm đến ai. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 25/11/2021 và tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/11/2021, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh T hai lần để hòa giải hàn gắn tình cảm giữa anh, chị nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hữu T của chị Nguyễn Thị Lệ M.

[4]. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Minh M1, sinh ngày 11/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Trà M2, sinh ngày 02/12/2012, hiện các con chung đang sống cùng gia đình chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai

cháu Nguyễn Thị Minh M1 và Nguyễn Thị Trà M2. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện hai cháu M1 và M2 đang sống ổn định cùng chị M, hai cháu M1 và M2 cũng có nguyện vọng được sống cùng chị M; Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 25/11/2021, anh T cũng đồng ý giao hai con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung của chị M Anh Nguyễn Hữu T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2021, chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, đến ngày 21/12/2021, chị M đã tự nguyện rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Lệ M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ M. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T.
2. Về con chung: Giao hai con chung giữa chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T là cháu Nguyễn Thị Minh M1, sinh ngày 11/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Trà M2, sinh ngày 02/12/2012 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng. Anh Nguyễn Hữu T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Hữu T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu Nguyễn Thị Minh M1 và Nguyễn Thị Trà M2 do chị Nguyễn Thị Lệ M không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002824 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị M đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã P;
- Các đương sự:
 - + Nguyễn Thị Lệ M;
 - + Nguyễn Hữu T.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu